

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Triều

2. Bà Trần Thị Như Phương.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thư Thái Bình – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Hà Thanh Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở **Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh** xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4800/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Ông **Quách Ngọc H**, sinh năm 1986.

Thường trú: **Số nhà A, tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình.**

Địa chỉ: **T - E - H - 12 - 3 S B - 101**

**Bị đơn:** Bà **Bùi Thị Minh P**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: **20/8/6 Đ, khu phố E, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.**

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo Đơn khởi kiện ngày 05 tháng 7 năm 2022 và lời khai của nguyên đơn – ông **Quách Ngọc H** thì: Ông và bị đơn kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 45/2014 do **Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình** cấp ngày 25/4/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại phòng 302 **nhà A khu tập thể L ngõ D T, phường C, quận B, thành phố Hà Nội**. Đến tháng 7/2015, bị đơn đưa con gái vào Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống. Gia đình hai bên đã nhiều lần động viên nhưng bị đơn vẫn không đồng ý quay về. Nhận thấy tình cảm không còn, không thể kéo dài cuộc hôn nhân này nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Có 01 con chung là trẻ **Quách Ngọc Minh A**, sinh ngày 09/9/2014. Ông đồng ý giao con cho bà **P** nuôi con và tự nguyện cấp dưỡng 2.500.000 đồng/ 1 tháng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Ông đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt Ông.

Tại Bản tự khai ngày 13/6/2024, bà **Bùi Thị Minh P** trình bày: Bà không còn chung sống với ông **H** từ tháng 7/2015 do phát hiện ông **H** ngoại tình và không đóng góp cho việc nuôi con nên bà đã mang con vào Thành phố Hồ Chí Minh. Sau thời điểm đó bà không biết ông **H** ở đâu làm gì, cũng không nhận được bất kỳ việc chu cấp nào từ ông **H**. Từ thời điểm đó trở đi tới hiện tại, trẻ **A** hoàn toàn do bà chăm sóc, nuôi dưỡng, trẻ phát triển bình thường về thể chất, tinh thần. Bà chỉ biết ông **H** đã đi lao động nước ngoài từ thời điểm nhận được đơn khởi kiện ngày 05/10/2022 ngoài ra không có thông tin gì về nơi cư trú của ông **H**. Nay bà đồng ý ly hôn với ông **Quách Ngọc H**.

Về con chung: Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi trẻ **Quách Ngọc Minh A**, sinh ngày 09/9/2014.

Về cấp dưỡng: Bà **P** trình bày chi phí hiện tại để nuôi dưỡng trẻ bao gồm: tiền ăn 3 triệu đồng, tiền học 2 triệu đồng, tiền thuê trọ 2 triệu đồng và tiền thăm khám sức khỏe, quần áo, chi phí khác là 1 triệu đồng. Tổng cộng là 8 triệu đồng chia hai vợ chồng. Bà yêu cầu ông **H** cấp dưỡng 4 triệu đồng mỗi tháng cho tới khi trẻ đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7/2024, khoản cấp dưỡng trả vào tài khoản ngân hàng của bà vào ngày 05 hàng tháng.

Ngoài ra, bà yêu cầu ông **H** hoàn trả tiền cấp dưỡng nuôi con chung từ tháng 7/2015 đến tháng 6/2024 là 4 triệu đồng x 107 (tháng) = 428 triệu đồng. Phương thức trả cho số tiền trên là một lần qua tài khoản ngân hàng của bà. Nếu ông **H** không trả đầy đủ thì số tiền này sẽ phát sinh lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

*Tại phiên tòa sơ thẩm:*

Bị đơn bà **Bùi Thị Minh P** thay đổi một phần yêu cầu về cấp dưỡng cụ thể:

Yêu cầu nguyên đơn ông **Quách Ngọc H** phải hoàn trả tiền cấp dưỡng nuôi con chung là trẻ **Quách Ngọc Minh A**, sinh ngày 9/9/2014 từ tháng 9/2015 đến ngày 10/9/2024 (xét xử sơ thẩm), mỗi tháng 1.500.000 đồng, trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật;

Bà đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con chung mà ông **Quách Ngọc H** đề nghị là mỗi tháng 2.500.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn và bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận yêu cầu của bị đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Ông **Quách Ngọc H** khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà **Bùi Thị Minh P**, ông **H** đang cư trú tại Nhật Bản, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn – ông **Quách Ngọc H** có đơn đề nghị Tòa án không hòa giải và xét xử vắng mặt, nên căn cứ Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông **Quách Ngọc H**.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Căn cứ theo Giấy chứng nhận kết hôn số 45/2014 do Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình cấp ngày 25/4/2014 thì giữa ông **Quách Ngọc H** và bà **Bùi Thị Minh P** là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo trình bày thống nhất của ông **Quách Ngọc H** và bà **Bùi Thị Minh P** thì trong thời kỳ hôn nhân, giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn về quan điểm sống, tính cách. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên giữa ông **Quách Ngọc H** và bà **Bùi Thị Minh P** thuận tình ly hôn. Xét cả hai hiện có khoảng cách địa lý nên tình cảm vợ chồng càng phai nhạt, đây là căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa hai người không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa.

[2.2] Về con chung: Ông **H** và bà **P** đều thống nhất giao trẻ **Quách Ngọc Minh A**, sinh ngày 09/9/2014 cho bà **P** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

[2.3] Về cấp dưỡng:

Xét yêu cầu của bà **Bùi Thị Minh P** về việc buộc ông **Quách Ngọc H** phải hoàn trả tiền cấp dưỡng nuôi con chung là trẻ **Quách Ngọc Minh A**, sinh ngày 09/9/2014 từ tháng 9/2015 đến ngày 10/9/2024 (ngày xét xử sơ thẩm), mỗi tháng 1.500.000 đồng, tổng cộng là 108 tháng x 1.500.000 đồng = 162.000.000 đồng, trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Hội đồng xét xử nhận thấy tại đơn khởi kiện ngày 5/7/2022, được chứng nhận cùng ngày của **T** tại Nhật Bản thì nguyên đơn ông **Quách Ngọc H** cũng thừa nhận thời điểm bà **Bùi Thị Minh P** đưa con vào thành phố Hồ Chí Minh là tháng 7/2015, tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn **Bùi Thị Minh P** yêu cầu tính từ tháng 9/2015.

Theo quy định tại Điều 82, Điều 107 và Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì nghĩa vụ cấp dưỡng của cha, mẹ đối với con chưa thành niên phát sinh từ thời điểm cha mẹ không sống chung với con và việc cấp dưỡng nuôi con là quyền và là nghĩa vụ ngang nhau của cha, mẹ. Như vậy từ thời điểm tháng 9/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 10/9/2024) một mình bị đơn bà **Bùi Thị Minh P** chăm sóc, nuôi dưỡng và chi trả các chi phí nuôi con chung là trẻ **Quách Ngọc Minh A**. Xét chi phí trung bình cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng một đứa trẻ tại thành phố Hồ Chí Minh mà bà **P** yêu cầu là 3.000.000 đồng/tháng là phù hợp.

Do đó cần chấp nhận yêu cầu của bà **P**, buộc ông **Quách Ngọc H** phải hoàn trả cho bà **Bùi Thị Minh P** ½ của số tiền 3.000.000 đồng mà bà **P** đã bỏ ra nuôi con kể từ tháng 9/2015 đến ngày 10/9/2024 là 162.000.000 đồng (108 tháng x 1.5000.000 đồng).

Xét nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung **Quách Ngọc Minh A**, sinh ngày 09/9/2014: tại đơn khởi kiện nguyên đơn ông **Quách Ngọc H** đề nghị cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.500.000 đồng, về phía bà **P** cũng đồng ý, nên buộc ông **Quách Ngọc H** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.500.000 đồng, cho đến khi trẻ **Quách Ngọc Minh A**, sinh ngày 09/9/2014 đủ 18 tuổi. Thời gian bắt đầu tính cấp dưỡng là ngày 10/9/2024.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

[3] Từ những nhận định trên, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Quách Ngọc H**; chấp nhận yêu cầu của bị đơn về việc buộc nguyên đơn hoàn trả chi phí cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí hôn nhân: Do ông **Quách Ngọc H** khởi kiện yêu cầu ly hôn nên ông **Quách Ngọc H** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Án phí cấp dưỡng: Ông **Quách Ngọc H** phải chịu án phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 37; Điều 38; Khoản 4 Điều 147; Khoản 4 Điều 207; Khoản 1 Điều 273 và Khoản 1, Khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 107 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Khoản 5, 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông **Quách Ngọc H.**

Về hôn nhân: Ông **Quách Ngọc H** được ly hôn bà **Bùi Thị Minh P.**

Về con chung: Giao trẻ **Quách Ngọc Minh A**, sinh ngày 09/9/2014 cho bà **Bùi Thị Minh P** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Về cấp dưỡng:

Buộc ông **Quách Ngọc H** phải hoàn trả tiền cấp dưỡng nuôi con chung là trẻ **Quách Ngọc Minh A** cho bà **Bùi Thị Minh P** từ tháng 9/2015 đến ngày 10/9/2024 là 162.000.000 (một trăm sáu mươi hai triệu) đồng. Thi hành 1 lần, ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Buộc ông **Quách Ngọc H** phải cấp dưỡng nuôi con chung là trẻ **Quách Ngọc Minh A** cho bà **Bùi Thị Minh P** mỗi tháng là 2.500.000 (hai triệu năm trăm) đồng, cho đến khi trẻ **Quách Ngọc Minh A** đủ 18 tuổi. Thời gian bắt đầu tính cấp dưỡng là ngày 10/9/2024.

Ông **Quách Ngọc H** có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, sau này ông **H** và bà **P** đều có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí hôn nhân: Ông **Quách Ngọc H** phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân

sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0005446 ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Thái Bình. Ông **Quách Ngọc H** đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Án phí về cấp dưỡng: Ông **Quách Ngọc H** phải chịu án phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

3. Thi hành án tại Cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn – ông **Quách Ngọc H** được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng và bị đơn – bà **Bùi Thị Minh P** được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình;
- Các đương sự (02);
- Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh
- Lưu: HSPA, VT (HA).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hoàng Anh**